

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



TRƯỜNG THỊ LỆ NGUYỄN

**PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA
Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Hà Thị Mai Hiền**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận
văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng
năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Những đóng góp mới của luận văn	6
7. Kết cấu của luận văn	6
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC	7
1.1. Khái quát về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.....	7
1.1.1. Khái niệm về môi trường nước, phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	7
1.1.2. Sự cần thiết của phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	8
1.2. Khái quát pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	8
1.2.1. Khái niệm pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	8
1.2.2. Vai trò của pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	9
1.2.3. Nguyên tắc pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.....	9
1.2.4. Nội dung pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	9
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	10
1.3.1. Yếu tố về kinh tế	10
1.3.2. Yếu tố về pháp luật.....	10
1.3.3. Yếu tố thực hiện pháp luật	10
Kết luận Chương 1	11
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI.....	12
2.1. Thực trạng pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.....	12

2.1.1. Pháp luật hiện hành về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	12
2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước ..	12
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tại Quảng Ngãi	13
2.2.1. Tình hình bảo vệ môi trường nước và phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	13
2.2.2. Đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tại tỉnh Quảng Ngãi	14
Kết luận Chương 2	15
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.....	16
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.....	16
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tỉnh Quảng Ngãi	16
3.3.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường nước, nguồn lực con người, tăng cường sự tham gia của cộng đồng.....	16
3.3.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan đến lĩnh vực phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	17
3.3.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước	17
3.3.4. Giải pháp về công nghệ và kỹ thuật	18
3.3.5. Giải pháp về giám sát chất lượng, cảnh báo ô nhiễm môi trường nước ...	18
3.3.6. Giải pháp về hội nhập và hợp tác quốc tế	19
Kết luận Chương 3	21
KẾT LUẬN	22

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Song hành cùng sự phát triển của kinh tế, xã hội là tình trạng ô nhiễm môi trường cũng luôn ở ở mức báo động. Chính vì vậy phòng ngừa ô nhiễm môi trường đang là thông điệp được nhấn mạnh tại nhiều quốc gia trên thế giới. Ở nước ta ô nhiễm môi trường tồn tại ở 3 dạng chính: ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước. Nguồn nước sạch là một trong những nhu cầu thiết yếu nhất trong đời sống con người. Nó có vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần duy trì và phát triển an sinh xã hội. Có thể nói phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước sạch là bảo vệ cuộc sống của toàn dân.

Ngày nay, hầu hết các quốc gia đều quan tâm đến bảo vệ môi trường nói chung và phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước (ONMTN) nói riêng. Việc ONMTN ngày càng nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính vẫn xuất phát từ con người. Ngoài ra hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu đồng bộ, việc thực hiện pháp luật về môi trường nước (MTN) còn kém hiệu quả. Các quy định của pháp luật về phòng ngừa ONMTN hiện nay chưa được quan tâm đúng mức, từ các nhà lập pháp, các nhà quản lý và các chủ thể. Hoạt động ban hành, triển khai, thực hiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN còn nhiều bất cập, hạn chế. Vì vậy, hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN là yêu cầu mang tính bức xúc và khách quan hiện nay.

Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa khiến môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng khi con người đặt lợi ích cá nhân lên trên hết. Tại tỉnh Quảng Ngãi, cuộc sống người dân đảo lộn, sản xuất ngưng trệ do nguồn nước ngày càng ô nhiễm, nhưng đến nay vẫn chưa có hướng giải quyết hay câu trả lời thỏa đáng nào cho việc này.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tôi đã chọn đề tài **“Pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi”** làm luận văn thạc sĩ Luật học, với hi vọng qua nghiên cứu, trình bày một số vấn đề lý luận,

thực trạng pháp luật về phòng ngừa ONMTN và thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi, sẽ đưa ra được một số giải pháp, góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật về phòng ngừa ONMTN ở tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và Việt Nam nói chung.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Một số công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong thời gian qua, đã có khá nhiều các bài viết, các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến phòng ngừa ONMTN, đã thu hút được nhiều sự quan tâm, chú ý của các học giả, các chuyên gia, các nhà khoa học có nhiều công trình nghiên cứu đã được công bố ở những khía cạnh khác nhau như:

- Đỗ Thị Hường (2020), *“Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước ở Việt Nam hiện nay”*, Luận án Tiến sĩ, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án kế thừa, tổng hợp kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố, bổ sung vào hệ thống lý luận về bảo vệ MTN; phân tích thực tiễn hoàn thiện pháp luật về bảo vệ MTN ở một số quốc gia trên thế giới và rút ra những kinh nghiệm gợi mở cho Việt Nam; phân tích, đánh giá thực trạng hoàn thiện nội dung và hình thức pháp luật về bảo vệ MTN tại Việt Nam trong thời gian qua; đề ra phương hướng và giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện pháp luật về bảo vệ MTN ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Nguyễn Thị Cẩm Anh (2019), *“Pháp luật kiểm soát ô nhiễm nước: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện”*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội. Luận văn trình bày những vấn đề lý luận và pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước. Phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nước ở Việt Nam; từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về vấn đề này.

- Tạ Thị Thùy Trang (2019), *“Một số bất cập của pháp luật bảo vệ môi trường về xử lý nước thải”*, Ấn phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 23 (399). Bài viết thể hiện lượng thải ngày càng nhiều nhưng các hệ thống xử lý tập trung không đủ để giải quyết làm ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước. Thực trạng

trên đòi hỏi Nhà nước ta cần có những biện pháp thích hợp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về xử lý nước thải, từng bước giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước.

- Nguyễn Thị Hạnh (2021), *“Hoàn thiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam”*, Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Tạp chí công thương. Bài viết nghiên cứu thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về tài nguyên nước ở Việt Nam. Tác giả tập trung đưa ra các quan điểm, kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tài nguyên nước ở Việt Nam.

- Hồng Nhự (2017), *“Tác hại của ô nhiễm môi trường nước”*, Tạp chí môi trường. Bài viết trình bày hiện trạng ô nhiễm môi trường nước; nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm môi trường nước.

2.2. Đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu, các bài viết đã phản ánh đa dạng và sâu sắc ở nhiều khía cạnh khác nhau. Các tác giả đã có những cách nhìn, cách giải quyết những vấn đề vướng mắc đang còn tồn tại cả trong lý luận và thực tiễn, góp phần tạo nên cơ sở pháp lý trong việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ MTN. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện về vấn đề phòng ngừa ONMTN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi. Chính vì vậy, tôi mạnh dạn chọn đề tài này, với mong muốn thông qua việc nghiên cứu sẽ làm rõ hơn những vấn đề lý luận cơ bản trong việc áp dụng pháp luật về phòng ngừa ONMTN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi, tìm ra những bất cập và những hạn chế trong việc áp dụng các quy định đó trong thực tiễn. Từ đó đề xuất những giải pháp có ý nghĩa quan trọng để hoàn thiện các quy định về phòng ngừa ONMTN và khắc phục những hạn chế trong việc áp dụng các quy định của pháp luật trong thực tiễn, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn nhằm đưa ra định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về phòng ngừa ONMTN nhằm tạo ra hành lang pháp lý an toàn cho các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, đề tài đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, làm rõ lý luận pháp luật về phòng ngừa ONMTN như: khái niệm, vai trò, nguyên tắc, nội dung của pháp luật. Qua đó, phân tích, đánh giá các quy định pháp luật hiện hành cũng như chỉ rõ các kết quả, hạn chế và nguyên nhân hạn chế của pháp luật về phòng ngừa ONMTN tại Việt Nam.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực tiễn thực thi pháp luật về phòng ngừa ONMTN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Ngãi, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định của pháp luật về phòng ngừa ONMTN tại tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Hệ thống quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật phòng ngừa ONMTN.

Các văn bản quy phạm pháp luật thực định về phòng ngừa ONMTN.

Thực tiễn thực thi pháp luật về phòng ngừa ONMTN tại tỉnh Quảng Ngãi.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận văn giới hạn ở việc tìm hiểu các quy phạm pháp luật về thực hiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN.

Phạm vi thời gian: Từ năm 2016 đến nay.

Không gian: trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện dựa trên các phạm trù của triết học Mác – Lênin mà hạt nhân là phép duy vật biện chứng để nghiên cứu mối quan hệ giữa hoạt động của tỉnh Quảng Ngãi với vấn đề môi trường nước. Đồng thời, trong quá trình nghiên cứu luận văn bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ MTN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành được luận văn này, bài luận sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau như: Phương pháp phân tích - tổng hợp; phương pháp hệ thống hóa, phương pháp lịch sử; phương pháp so sánh, cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để tổng quan các công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về phòng ngừa ONMTN. Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu các quan điểm pháp lý, đặc điểm của pháp luật về phòng ngừa ONMTN; phân tích và rút ra các đặc trưng, bản chất của phòng ngừa ONMTN. Từ đó, đánh giá, kết luận và kiến nghị giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện pháp luật về thực hiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN.

- Phương pháp hệ thống hóa được sử dụng xuyên suốt toàn bộ luận văn nhằm trình bày các vấn đề, nội dung của luận văn theo một trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ, gắn kết, kế thừa kết quả nghiên cứu trước đó đồng thời phát triển những nội dung mới đã được xác định trong luận văn.

- Phương pháp lịch sử được sử dụng để nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của pháp luật về thực hiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN.

- Phương pháp so sánh: so sánh các quan điểm của các học thuyết, các chuyên gia, các số liệu về phòng ngừa ONMTN; đồng thời so sánh các khái niệm, quy định của pháp luật thực định với các khái niệm, quy định khác của pháp luật trong nước và nước ngoài có liên quan.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu khoa học trước đây về pháp luật phòng ngừa ONMTN cùng với quá trình nghiên cứu, tôi có những đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, luận văn chỉ ra đặc trưng, sự cần thiết của phòng ngừa ONMTN; đưa ra các tiêu chí đánh giá pháp luật về phòng ngừa ONMTN cùng với những nhân tố ảnh hưởng đến pháp luật về phòng ngừa ONMTN.

Thứ hai, đánh giá tình hình chung về bảo vệ MTN tại tỉnh Quảng Ngãi; làm rõ thực trạng quy định về thẩm quyền cũng như trách nhiệm phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm trong thực thi pháp luật về phòng ngừa ONMTN tại tỉnh Quảng Ngãi; đánh giá và chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành và những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành. Đồng thời tìm ra nguyên nhân của vướng mắc để từ đó tìm ra hướng hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN.

Thứ ba, đưa ra định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN song song với các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề này ở nước ta trong giai đoạn tới.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết thúc, danh mục tài liệu tham khảo thì kết cấu của luận văn gồm có 03 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Chương 2: Thực trạng pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước và thực tiễn thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng ngừa ONMTN

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC

1.1. Khái quát về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

1.1.1. Khái niệm về môi trường nước, phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Môi trường nước được hiểu là môi trường mà những cá thể tồn tại, sinh sống và tương tác qua lại đều bị ảnh hưởng và phụ thuộc vào nước. Môi trường nước có thể bao quát trong một lưu vực rộng lớn hoặc chỉ chứa trong một giọt nước. Môi trường nước là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật và cả kinh tế – xã hội.

Ô nhiễm MTN là việc nguồn nước tại các ao, hồ, sông, suối, kênh, rạch, mạch nước ngầm, biển... chứa các chất độc hại với hàm lượng cao gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người và động thực vật. Nói chính xác hơn ô nhiễm MTN là sự thay đổi theo chiều xấu đi các tính chất vật lý – hoá học – sinh học của nước, với sự xuất hiện các chất lạ ở thể lỏng, rắn làm cho nguồn nước trở nên độc hại với con người và sinh vật, làm giảm độ đa dạng sinh vật trong nước. Xét về tốc độ lan truyền và quy mô ảnh hưởng thì ô nhiễm nước là vấn đề đáng lo ngại hơn ô nhiễm đất. Ô nhiễm MTN xảy ra khi nước bề mặt chảy qua rác thải sinh hoạt, nước rác công nghiệp, các chất ô nhiễm trên mặt đất, rồi thấm xuống nước ngầm. Hiện tượng ô nhiễm nước xảy ra khi các loại hoá chất độc hại, các loại vi khuẩn gây bệnh, virus, ký sinh trùng phát sinh từ các nguồn thải khác nhau như chất thải công nghiệp từ các nhà máy sản xuất, các loại rác thải của các bệnh viện, các loại rác thải sinh hoạt bình thường của con người hay hoá chất, thuốc trừ sâu, phân bón hữu cơ... sử dụng trong sản xuất nông nghiệp được đẩy ra các ao, hồ, sông, suối hoặc ngấm xuống nước dưới đất mà không qua xử lý hoặc với khối lượng quá lớn vượt quá khả năng tự điều chỉnh và tự làm sạch của các loại ao, hồ, sông, suối.

Phòng ngừa ONMTN là các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nguồn nước, thông qua việc điều tra khảo sát thực địa để xác định nguồn gốc gây ra ô nhiễm và kiểm soát chúng; nhằm phòng ngừa những tác động tiêu cực mà các hoạt động của con người có thể gây ra cho môi trường nước.

1.1.2. Sự cần thiết của phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Chúng ta đều biết môi trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng với đời sống con người. Nhưng hiện trạng cho thấy ngày nay đang đánh một hồi chuông cảnh báo về vấn đề ONMTN. Con người đã tác động quá nhiều đến MTN, con người quan tâm nhiều hơn đến vấn đề lợi nhuận, nguồn thu để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt mà vô tình hoặc cố ý xâm hại đến MTN. Thiên nhiên ban tặng cho con người nhiều thứ, vậy mà chúng ta không biết giữ gìn và bảo vệ để giờ đây khi MTN đang dần bị xuống cấp, xuất hiện nhiều “bệnh lạ”, con người mới nhận thấy được tầm quan trọng của MTN.

Phòng ngừa ONMTN có vai trò giữ gìn, phòng ngừa, ngăn chặn, hạn chế các tác động xấu đến môi trường nước, ứng phó với các sự cố môi trường nước, khắc phục việc làm suy thoái, ô nhiễm môi trường nước, cải thiện, phục hồi môi trường nước và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước nhằm giữ gìn môi trường nước. Như vậy phòng ngừa ONMTN không chỉ là vấn đề riêng của mỗi cá nhân nào đó mà nó trở thành vấn đề chung của toàn quốc gia, mỗi cá nhân cần tự ý thức được việc giữ gìn, cải thiện môi trường sống hàng ngày để từ đó góp phần chung tay bảo vệ môi trường chung của toàn nhân loại.

1.2. Khái quát pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

1.2.1. Khái niệm pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Pháp luật về phòng ngừa ONMTN là tổng thể các quy phạm PL do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục luật định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể trong hoạt động kinh tế, xã hội nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường nước; ứng phó sự cố môi trường nước; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường nước; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước nhằm giữ gìn môi trường nước.

1.2.2. Vai trò của pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

PL luật về phòng ngừa ONMTN có vai trò quan trọng trong cuộc sống xét trên các khía cạnh như sau:

Thứ nhất, PL góp phần nâng cao hiệu lực quản lí nhà nước trên lĩnh vực phòng ngừa ONMTN nói riêng;

Thứ hai, PL tạo ra cơ sở pháp lí đầy đủ, thích hợp cho việc quy định cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các thiết chế thực hiện chức năng quản lí nhà nước trong lĩnh vực phòng ngừa ONMTN;

Thứ ba, PL tạo khuôn mẫu, chuẩn mực để hướng dẫn cách ứng xử cho mọi người trong việc khai thác, sử dụng các nguồn nước;

Thứ tư, PL quy định rõ ràng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan;

Thứ năm, PL tăng cường các biện pháp chế tài pháp lý thích hợp, đủ sức răn đe nhằm đẩy lùi tình trạng gây ONMTN.

1.2.3. Nguyên tắc pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

PL về phòng ngừa ONMTN cần bảo đảm các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, phải đảm bảo quyền mọi người được sống trong MTN trong lành.

Thứ hai, phải đảm bảo tính đồng bộ trong quản lí và phòng ngừa ONMTN;

Thứ ba, phải bảo đảm tính phát triển bền vững giữa tăng trưởng kinh tế với phòng ngừa ONMTN và các giá trị khác.

Thứ tư, nhà nước sử dụng nhiều chính sách để phòng ngừa ONMTN hiệu quả, coi trọng tính phòng ngừa;

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế trong kiểm soát ONMTN.

1.2.4. Nội dung pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Hiện nay theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, việc bảo vệ môi trường nước được áp dụng với 3 loại: loại nước mặt, loại nước biển và loại nước đất.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

1.3.1. Yếu tố về kinh tế

Nền kinh tế ngày càng phát triển bền vững sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện PL về phòng ngừa ONMTN bởi nó sẽ tác động tích cực đến việc nâng cao hiểu biết về PL, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống nói chung và MTN nói riêng. Việc giáo dục PL được quan tâm, phổ biến và tuyên truyền rộng rãi hơn từ đó hình thành thói quen thực hiện tốt, nghiêm chỉnh các quy định của PL về ONMTN. Ngược lại, khi nền kinh tế kém phát triển sự quan tâm của con người sẽ đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, ý thức của mọi người sẽ hạn chế và không coi trọng việc thực hiện PL về phòng ngừa ONMTN.

1.3.2. Yếu tố về pháp luật

Yếu tố pháp luật là tổng thể các yếu tố tạo nên đời sống pháp luật của xã hội ở từng giai đoạn nhất định bao gồm hệ thống pháp luật, các quan hệ pháp luật... Bản thân pháp luật được sinh ra là để điều chỉnh các quan hệ xã hội là cơ sở để các chủ thể thực hiện pháp luật. Song chính các mặt, khía cạnh khác nhau của các chuẩn mực pháp luật cũng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động thực hiện pháp luật.

1.3.3. Yếu tố thực hiện pháp luật

Điều kiện tiên quyết để thực hiện PL về phòng ngừa ONMTN là ý thức của con người, đây là yếu tố quan trọng nhất bởi con người có thể nhận thức được hành vi của mình là đúng hay sai, từ đó biết được những việc nên làm và không nên làm đối với MTN. Tuy nhiên, không phải ai cũng có ý thức tự giác phòng ngừa ONMTN, nên giáo dục PL cần kết hợp giáo dục đạo đức nhằm mục đích khơi dậy tính hướng thiện trong hành vi của mỗi cá nhân, từ đó hình thành ý thức tôn trọng và lối sống tuân theo PL. Bên cạnh đó cũng kèm theo nhiều biện pháp răn đe, cảnh cáo, xử phạt đối với một số cá nhân, tổ chức cố tình làm trái PL.

Kết luận Chương 1

Đối với lý luận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước, luận văn đã tập trung làm rõ những vấn đề về khái niệm phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước, nguyên nhân và sự cần thiết của phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước. Hai là, nguyên tắc pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước. Đồng thời, luận văn đã nêu rõ khái niệm, vai trò, nguyên tắc pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước và trình bày nội dung pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước hiện nay. Sau cùng chỉ rõ các yếu tố ảnh hưởng đến pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Thực trạng pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

2.1.1. Pháp luật hiện hành về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Tại Khoản 1 Điều 160 Luật BVMT được Quốc hội nước cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 quy định trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường bao gồm: Bộ trưởng các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

Theo Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04/04/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

Ngoài ra, còn có các quy định xử lý các hành vi vi phạm về phòng ngừa ONMTN được quy định trong: Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 55/2021/NĐ-CP); Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.1.2. Đánh giá quy định pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Luật BVMT được Quốc hội nước cộng hoà XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, Luật gồm 16 Chương, 171 Điều đã phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị trong việc tham gia vào các hoạt động BVMT, từ hoạch định chính sách đến tổ chức, giám sát thực hiện, trong đó doanh nghiệp, người dân phải đóng vai trò trung tâm; Nhà nước đóng vai trò kiến tạo pháp luật, cơ chế,

chính sách về BVMT. Luật với nhiều quy định nhằm cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, góp phần giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp thông qua các quy định: thu hẹp đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; tích hợp các thủ tục hành chính vào 01 giấy phép môi trường; đồng bộ các công cụ quản lý môi trường theo từng giai đoạn của dự án, bắt đầu từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thực hiện dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành chính thức và kết thúc dự án. Luật cũng đã thiết kế khung chính sách hướng đến việc hình thành đạo luật về BVMT có tính tổng thể, toàn diện và hài hòa với hệ thống pháp luật về kinh tế-xã hội.

Bên cạnh đó, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 55/2021/NĐ-CP); Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có các quy định cụ thể về xử lý vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hình sự liên quan đến MTN góp phần răn đe các cá nhân, tổ chức có những hành vi gây ONMTN. Hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải ra môi trường sẽ có mức xử phạt phù hợp với từng mức độ, hành vi gây ONMTN nghiêm trọng có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tại Quảng Ngãi

2.2.1. Tình hình bảo vệ môi trường nước và phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

MTN hiện nay đang chịu nhiều tác động xấu, tỉnh Quảng Ngãi đã và đang tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, trong đó đặc biệt chú trọng đến nguồn nước phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt cho người dân địa phương.

Ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, làng nghề ở Quảng Ngãi ngày càng nghiêm trọng. Người dân luôn phải sống chung với nước thải.

Đặc biệt, nguồn nước ngầm đang bị suy giảm nghiêm trọng

Về nước thải sinh hoạt hằng ngày của người dân vẫn chưa được xử lý và thải thẳng ra môi trường.

Nhìn chung tình hình thực hiện PL về phòng ngừa ONMTN tại Quảng Ngãi vẫn đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cần tăng cường thêm nhiều biện pháp để khắc phục tình trạng này.

2.2.2. Đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tại tỉnh Quảng Ngãi

Về công tác quản lý môi trường, qua công tác thanh tra, kiểm tra tại tỉnh cũng cho thấy, việc triển khai các quy định về phòng ngừa ONMTN vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: Chất lượng các báo cáo đánh giá tác động MTN, xác nhận cam kết/kế hoạch phòng ngừa ONMTN còn chưa cao, nội dung còn chung chung hoặc những phương án xử lý môi trường nhiều trường hợp không phù hợp với thực tiễn.

Nhiều quy định về phòng ngừa ONMTN thiếu tính ổn định, nặng về thủ tục hành chính và thiếu tính khả thi... gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện, đặc biệt là công tác quản lý chất thải nguy hại;

Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ MTN còn chưa đủ mạnh, dẫn đến hạn chế tác dụng giáo dục, phòng ngừa, răn đe đối với những hành vi gây ONMTN.

Mặt khác, hệ thống xử lý nước thải tại một số khu công nghiệp chưa hoạt động hiệu quả, nước thải sinh hoạt bị ô nhiễm được thải liên tục ra sông gây nhiễm độc nguồn nước tự nhiên nhưng doanh nghiệp vẫn tìm cách thoái thác trách nhiệm được hoặc mức xử phạt vẫn không bằng lợi nhuận thu về nên việc thực thi PL về phòng ngừa ONMTN chưa được chú trọng.

Bên cạnh đó, chính sự quan liêu, thiếu chặt chẽ trong công tác quản lý bảo vệ MTN của nhà nước cũng đang tiếp tay cho hành vi phá hoại MTN. Cụ thể, có rất ít trường hợp gây ONMTN bị xử lý hình sự, còn các biện pháp xử lý khác như: buộc phải di dời ra khỏi khu vực ô nhiễm, đóng cửa và đình chỉ hoạt động của cơ sở gây ô nhiễm môi trường cũng không được áp dụng nhiều, hoặc có áp

dụng nhưng các cơ quan chức năng thiếu kiên quyết nên cũng không có hiệu quả với các doanh nghiệp.

Kết luận Chương 2

Chương này đã nêu rõ quy định pháp luật hiện hành về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước và nêu lên thực tiễn thi hành pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tại tỉnh Quảng Ngãi. Nhìn chung, xã hội ngày càng phát triển thì cả nước nói chung và tỉnh Quảng Ngãi nói riêng lượng chất thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế cũng tăng lên theo cấp số nhân. Lượng thải ngày càng nhiều nhưng các hệ thống xử lý tập trung không đủ để giải quyết làm ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước. Thực trạng trên đòi hỏi Nhà nước ta cần có những biện pháp thích hợp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Hoàn thiện PL về phòng ngừa ONMTN là toàn bộ các hoạt động nhằm sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các quy phạm PL nhằm đảm bảo cho PL về phòng ngừa ONMTN đạt được các tiêu chí về đồng bộ, khả thi, toàn diện, đảm bảo tính công bằng, ổn định đáp ứng kịp thời, hiệu lực, hiệu quả trong điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến phòng ngừa ONMTN.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

- Hoàn thiện các quy định về quy hoạch phòng ngừa ONMTN;
- Hoàn thiện các quy định về đánh giá tác động MTN;
- Hoàn thiện các quy định về xả thải chất thải vào nguồn nước.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước tỉnh Quảng Ngãi

3.3.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường nước, nguồn lực con người, tăng cường sự tham gia của cộng đồng

Nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý nhà nước, tham mưu ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, tập trung rà soát, bổ sung các chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đảm bảo hoàn thiện, thống nhất và đồng bộ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rà soát đơn giản hồ sơ, trình tự thực hiện và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện tốt việc công khai hóa quy trình thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ; tiếp tục cải cách chế độ công vụ, công chức tạo chuyển biến về lề lối, tác phong làm việc của cán bộ,

công chức, viên chức. Thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

Bổ sung đủ biên chế cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp xã phù hợp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công tác, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ MTN cho các địa phương.

3.3.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan đến lĩnh vực phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Cần đổi mới về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan đến lĩnh vực phòng ngừa ONMTN; các chính sách này phải có tính thực tiễn, được đồng bộ với thể chế thị trường, không có sự chồng chéo lên nhau.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng ngừa ONMTN nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm hành PL, tạo sự đồng thuận trong xã hội; nâng cao hiệu quả phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên và cơ quan tài nguyên môi trường các cấp trong việc tuyên truyền, vận động, giám sát quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường đảm bảo chặt chẽ, thống nhất. Tích cực triển khai tổ chức phong trào quần chúng phòng ngừa ONMTN nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng, đồng thời phát hiện, ngăn chặn, kịp thời xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và MTN.

3.3.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý môi trường gồm hạ tầng tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý nước thải tại các đô thị, xử lý nước thải cho các khu công nghiệp, hỗ trợ kinh phí để xử lý dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích, xử lý các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp được vay nguồn vốn ưu đãi để đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu công tác phòng ngừa ONMTN.

Nguồn lực tài chính cho phòng ngừa ONMTN cả từ ngân sách nhà nước và vốn đầu tư từ các chương trình, dự án đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu, không đủ kinh phí để hỗ trợ các địa phương nhất là đối với nhu cầu triển khai một số dự án có vốn đầu tư lớn về hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải rắn; xử lý ô nhiễm, phục hồi MTN tại các lưu vực sông, khu vực bị ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng. Trong khi đó, chúng ta chưa có cơ chế hiệu quả để huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa phòng ngừa ONMTN nên nguồn lực tài chính cho công tác phòng ngừa ONMTN chưa đáp ứng yêu cầu, không theo kịp yêu cầu BVMT trong điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của đất nước hiện nay.

3.3.4. Giải pháp về công nghệ và kỹ thuật

Việc chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác phòng ngừa ONMTN cần đươc coi trọng; tập trung cho việc xây dựng các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, trong đó hoàn thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về bảo vệ môi trường để tích hợp với cơ sở dữ liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường, phục vụ cho hoạt động của ngành và cho mọi nhu cầu xã hội.

Có thể sử dụng các nguồn năng lượng sạch để thay thế và áp dụng trong sản xuất công nghiệp. Ví dụ như năng lượng mặt trời, năng lượng gió... Đây là một giải pháp an toàn có thể hạn chế được nguồn rác thải và nước thải độc hại.

3.3.5. Giải pháp về giám sát chất lượng, cảnh báo ô nhiễm môi trường nước

Triển khai thi hành tốt pháp luật bảo vệ môi trường, quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ MTN. Bên cạnh đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân để chủ động ngăn ngừa những vi phạm chính sách, pháp luật về phòng ngừa ONMTN. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban ngành và các địa phương tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tại cơ sở trong quá trình thực thi các chính sách pháp luật về phòng ngừa ONMTN.

Khuyến cáo người dân sử dụng nước cấp, quản lý chặt chẽ việc khai thác nước ngầm.

Chính sách ưu tiên đầu tư và ưu đãi cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có áp dụng công nghệ hiện đại, sử dụng năng lượng sạch, có biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường hiệu quả và sử dụng lao động địa phương; Đồng thời xử phạt nghiêm khắc đối với những cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu vực.

Quản lý chặt chẽ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các trạm xử lý luôn hoạt động liên tục, đúng công suất và quy trình kỹ thuật, đảm bảo nước thải đầu ra luôn đạt các quy chuẩn về môi trường, khi phát hiện sự cố phải kịp thời xử lý và có biện pháp dự phòng.

3.3.6. Giải pháp về hội nhập và hợp tác quốc tế

Thứ nhất, phạm vi, quy mô và mức độ ngày càng lớn, nghĩa vụ và mức độ ràng buộc về pháp lý ngày càng tăng. Đây xu thế và đặc điểm được đánh giá là phổ biến gần đây và sẽ tiếp tục trong tương lai. Đối với các khuôn khổ quốc tế mà Việt Nam đã tham gia là thành viên chính thức, các nghĩa vụ mới tiếp tục được bổ sung hoặc cam kết sâu hơn tiếp tục được đề xuất đưa ra đối với những nghĩa vụ đã có trong thời gian qua, dưới các hình thức các quyết định, nghị quyết về sửa đổi bổ sung tại các cuộc họp, hội nghị về công ước thường niên. Các điều khoản về sửa đổi, bổ sung theo hướng mức độ cam kết sâu rộng hơn, ràng buộc pháp lý cao hơn diễn ra ở hầu hết các công ước quốc tế, tập trung nhiều ở lĩnh vực hóa chất, chất thải, bảo tồn đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu.

Thứ hai, trong phạm vi hội nhập quốc tế về MTN, ngày càng có nhiều khuôn khổ mới thuộc các lĩnh vực liên quan tiếp tục được hình thành với các quy tắc, phương thức và nghĩa vụ mới nhằm đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi thực tế nhằm xử lý các thách thức về môi trường ở phạm vi toàn cầu và quốc gia.

Thứ ba, yêu cầu và đòi hỏi về trách nhiệm tăng khi tham gia, kèm theo sự đầu tư và đóng góp tài chính tăng. Đây vừa là xu thế và vừa là xu hướng đối với mỗi quốc gia thành viên khi tham gia vào các khuôn khổ quốc tế. Việc tham gia các khuôn khổ quốc tế đối với mỗi quốc gia từ trước đến nay là mang tính chất tự nguyện, các quốc gia sẽ tự nguyện tham gia khi nhận thấy việc tham gia mang

lại lợi ích cụ thể hoặc đảm bảo về lợi ích và quyền lợi của mình. Khi tham gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ chấp nhận tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm là một quốc gia thành viên thuộc khuôn khổ đó. Tùy thuộc vào mỗi khuôn khổ, trách nhiệm và nghĩa vụ, bao gồm cả nghĩa vụ đóng góp về tài chính sẽ khác nhau và các nghĩa vụ và trách nhiệm này sẽ ngày một tăng lên tùy theo tính chất, mức độ hội nhập và điều kiện phát triển (kinh tế) của từng quốc gia. Đối với Việt Nam, yêu cầu và đề nghị tăng thêm về trách nhiệm và đóng góp tài chính đã phát sinh trong thời gian vừa qua, đặc biệt là sau khi Việt Nam được công nhận là quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp.

Thứ tư, có mối liên hệ ngày càng nhiều đến kinh tế, có ảnh hưởng và đóng góp nhiều trong quá trình phát triển kinh tế. Là một trong ba trụ cột phát triển, cùng với kinh tế và xã hội thì trong tiến trình hội nhập quốc tế, hội nhập quốc tế về môi trường cũng có nhiều mối liên hệ với phát triển kinh tế. Các quốc gia trong đó có Việt Nam đặt hội nhập quốc tế về kinh tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế, vì vậy, trong nhiều khuôn khổ quốc tế về môi trường, mục tiêu của hội nhập nhằm hướng tới hỗ trợ và thúc đẩy cho quá trình phát triển kinh tế.

Thứ năm, cơ chế đánh giá, giám sát việc thực thi các nghĩa vụ đã cam kết trong quá trình hội nhập ngày càng chặt chẽ kèm theo chế tài xử lý khi không tuân thủ và thực thi nghĩa vụ đã cam kết. Đây là cơ chế ngày càng được áp dụng phổ biến hơn trong hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập quốc tế về môi trường nói riêng.

Kết luận Chương 3

Nước đóng một vai trò đặc biệt quan trọng, là thành phần thiết yếu của sự sống và môi trường, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của quốc gia. Mất an toàn nguồn nước có thể dẫn đến những thảm họa tàn khốc như việc cả một thành phố bị đầu độc, hay xa hơn là cả một quốc gia chết dần vì bệnh tật, thiếu nước. Bảo vệ tài nguyên nước đặc biệt là nguồn nước sinh hoạt là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân. Để an ninh, an toàn nguồn nước được đảm bảo theo các chuyên gia chúng ta cần phải thực hiện nhiều giải pháp mang tính đồng bộ. Đồng thời rà soát sửa đổi, bổ sung những quy định lỗi thời hoặc khuyết thiếu trong pháp luật về bảo vệ môi trường nước, cần đặt ra các điều kiện đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch.

Trước tình hình ô nhiễm môi trường nước ngày càng nghiêm trọng như hiện nay thì việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước là vô cùng cấp thiết. Cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cho người dân về tác động của ô nhiễm nguồn nước đến môi trường cũng như sức khỏe của con người. Cùng với đó cũng cần có những quy định nghiêm ngặt hơn về việc xử lý các chất thải và rác thải từ các doanh nghiệp sản xuất. Đồng thời xử lý nghiêm cơ quan Nhà nước quan liêu, có ý định bao che cho cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước.

KẾT LUẬN

Hiện nay ở Việt Nam nói chung và Quảng Ngãi nói riêng, mặc dù các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chính sách và pháp luật về phòng ngừa ô nhiễm môi trường, nhưng tình trạng ô nhiễm nước là vấn đề rất đáng lo ngại: Tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá khá nhanh và sự gia tăng dân số gây áp lực ngày càng nặng nề đối với tài nguyên nước trong vùng lãnh thổ. Dân số đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý nên thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao. Trong sản xuất nông nghiệp, do lạm dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, các nguồn nước ở sông, hồ, kênh, mương bị ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến môi trường nước và sức khoẻ nhân dân. Nuôi trồng thủy sản ồ ạt, thiếu quy hoạch, không tuân theo quy trình kỹ thuật nên đã gây nhiều tác động tiêu cực tới môi trường nước. Cùng với việc sử dụng nhiều và không đúng cách các loại hoá chất trong nuôi trồng thủy sản, thì các thức ăn dư lắng xuống đáy ao, hồ, lòng sông làm cho môi trường nước bị ô nhiễm các chất hữu cơ, làm phát triển một số loài sinh vật gây bệnh và xuất hiện một số tảo độc,...

Vì vậy, việc đưa ra định hướng và nhiều giải pháp hoàn thiện pháp luật không bằng việc mỗi cá nhân tự nâng cao ý thức phòng ngừa ô nhiễm môi trường nước để bảo vệ sự sống của chính mình cũng như toàn nhân loại. Bảo vệ môi trường nước để tạo tiền đề nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững toàn diện.